

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 441/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25/12/2024

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Hương Nhu**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Mai Thị Thảo**.

Bà **Đỗ Thị Thanh**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà **Phan Thị Thu Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 485/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 521/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 355/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1995;

ĐKHKTT: Thôn T, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương;

Chỗ ở hiện nay: KDC P, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền về việc giao nhận văn bản của chị N: Anh Đoàn Hồng H, sinh năm 1990; địa chỉ: Số nhà A, đường T, KDC K, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Vũ Đăng D**, sinh năm 1993;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Hàn Quốc.

- Người làm chứng: Ông **Vũ Đăng T**, sinh năm 1970; bà **Vũ Thị H1**, sinh năm 1975; ĐKHKTT: Thôn T, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương.

(Các đương sự vắng mặt và đều đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh Vũ Đăng D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương ngày 29/5/2014. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng hay xảy ra cãi chửi nhau. Từ năm 2019 anh D đi lao động tại Hàn Quốc đến nay chưa về nước. Thời gian anh D đi nước ngoài mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện, anh D không gửi tiền về cho chị mà gửi tiền về cho mẹ đẻ anh, mỗi lần liên lạc vợ chồng lại xảy ra cãi nhau. Tháng 6/2024, chị đã chuyển đi khỏi gia đình nhà chồng và thuê nhà ra ngoài sinh sống. Anh Dũng thỉnh thoảng có gọi điện về nhưng chỉ nói chuyện với con, còn vợ chồng không hỏi han, không quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng cũng được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Đăng D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Gia H2, sinh ngày 27/12/2014 và Vũ Đăng P, sinh ngày 10/11/2017, hiện các con đang ở với chị N. Chị đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi và tự nguyện không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện tại chị đang lao động tự do, thu nhập bình quân khoảng 10.000.000đ/tháng, mẹ con chị đang thuê nhà trọ để ở. Chị đảm bảo đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng các con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc, chị N ủy quyền cho anh Đoàn Hồng H thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Do chị N không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh D nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh D. Ông Vũ Đăng T và bà Vũ Thị H1 (là bố, mẹ đẻ anh D) trình bày: Ông, bà không biết địa chỉ cụ thể của anh D ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh D vẫn liên lạc với gia đình qua điện thoại. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh D biết. Anh Dũng xác định giữ người ở, không ai giữ người đi, gia đình đã khuyên bảo chị N nhiều lần nhưng chị N không thay đổi vẫn cương quyết xin ly hôn nên anh cũng nhất trí. Anh xác định vợ chồng có 02 con chung như chị N trình bày là đúng, anh đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi và tự nguyện không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trường hợp được nuôi con, anh ủy quyền cho bố mẹ anh là ông Vũ Đăng T và bà Vũ Thị H1 thay anh chăm sóc con chung

cho đến khi anh về nước. Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Ngoài ra ông T, bà H1 đề nghị Tòa án giao cho anh D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con, trường hợp anh D được chăm sóc các con ông bà sẽ giúp anh trông nom các cháu trong thời gian anh D ở nước ngoài.

Con chung của chị N, anh D là cháu Vũ Gia H2 và cháu Vũ Đăng P đều có nguyện vọng được ở với chị N.

Người được chị N ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - anh Đoàn Hồng H trình bày: Anh nhất trí nhận ủy quyền của chị N, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, anh đã thông báo cho chị N biết, chị N vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi chị N, anh D đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Chị N và anh D có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại địa phương. Quá trình chung sống được một vài năm thì anh D đi lao động ở nước ngoài đến nay chưa về nước, vợ chồng sống xa cách mỗi người một nơi nên không có sự gần gũi, gần bó chia sẻ. Nay chị N có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án; về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Vũ Đăng D; về con chung: Giao con chung Vũ Gia H2 và Vũ Đăng P cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N hiện đang cư trú tại khu dân cư P, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương và bị đơn anh Vũ Đăng D có nơi cư trú trước khi xuất cảnh thôn T, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương. Hiện anh

D đang lao động, sinh sống tại Hàn Quốc. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh D. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh D cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông T là bố đẻ anh D để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị N và anh D, đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Ông T, bà H1 vẫn liên lạc với anh D và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị N và anh D. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng tại phiên tòa lần 2, các đương sự đều vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Vũ Đăng D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương ngày 29/5/2014 là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của các đương sự, có cơ sở xác định trong quá trình chung sống, chị N và anh D đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Từ khi anh D đi lao động tại Hàn Quốc đến nay chưa về nước, mỗi lần gọi điện thoại thì vợ chồng lại xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị N có đơn xin ly hôn, anh D cũng nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị N ly hôn anh D.

[2.2] Về quan hệ con chung: Con chung của chị N và anh D là cháu Vũ Gia H2 và Vũ Đăng P hiện đang ở với chị N. Chị N và anh D cùng đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng các con và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trường hợp được nuôi con anh D ủy quyền cho bố mẹ đẻ là ông T, bà H1 chăm sóc con chung cho đến khi anh về nước. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù nguyện vọng được nuôi con chung của anh D là hoàn toàn chính đáng, tuy nhiên anh D đang lao động tại Hàn Quốc nên không có đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Các con từ trước đến nay vẫn ở cùng chị N, được chị N chăm sóc tốt, chị N có công việc và thu nhập ổn định; mặt khác các con đều có nguyện vọng được ở với chị N. Do vậy, cần giao các con chung cho chị N chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các con, phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N, anh D cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, xử cho chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Vũ Đăng D.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Vũ Gia H2, sinh ngày 27/12/2014 và Vũ Đăng P, sinh ngày 10/11/2017 cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Vũ Đăng D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0005165 ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh Vũ Đăng D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Yết Kiêu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Hương Nhu